

Bản án số: 36/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 26/6/2018.

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Huyền

Ông Võ Trung Hiếu

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2018, Tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 19/2018/TLPT-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp: “Ly hôn”.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 28/2018/HN-ST ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 126/2018/QĐ-PT ngày 09/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp HP, xã HK, huyện CB, tỉnh TG.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Lệ Th, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp HP, xã HK, huyện CB, tỉnh TG.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ, liên quan:

Chị Trần Thị Kim L, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp MP, xã MĐĐ, huyện CB, tỉnh TG.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: ấp 2, xã ATT, huyện CB, tỉnh TG;

Người làm chứng:

1. Chị Phạm Thị Xuân L, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp MP, xã MĐĐ, huyện CB, tỉnh TG.

2. Chị **Nguyễn Thị Ngọc Giàu**, sinh năm 1978(vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp MP, xã MĐĐ, huyện CB, tỉnh TG.

3. Bà **Nguyễn Thị Vân**, sinh năm 1966(vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp MP, xã MĐĐ, huyện CB, tỉnh TG.

Do có kháng cáo của bị đơn: Chị Nguyễn Thị Lệ T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nguyên đơn anh Nguyễn Thanh Đ trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Lệ Th từ quen biết đã tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã HK, huyện CB, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn số 104 quyển 02 ngày 11/12/2002. Anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, thường hay tranh cãi do bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Nay về quan hệ hôn nhân: Anh yêu cầu được ly hôn đối với chị T; Về quan hệ con chung: Anh đồng ý giao 01 con chung tên Nguyễn Việt A, sinh ngày 10/01/2003 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000 đồng thực hiện từ khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu A tròn 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của chị Trần Thị Kim L, anh không đồng ý vì anh hoàn toàn không biết việc chị T có tham gia chơi hụi của chị L từ khi nào nên anh không đồng ý trả cho chị L số tiền nợ hụi 43.000.000 đồng như yêu cầu của chị L.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Lệ T trình bày:

Chị hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của anh Nguyễn Thanh Đ về thời gian xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn, cũng như nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Qua yêu cầu khởi kiện của anh Đ thì chị đồng ý ly hôn với anh Đ. Về quan hệ con chung: Chị đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 10/01/2003 và đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng của anh Đ đưa ra; Về tài sản chung nợ chung: Chị và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của chị Trần Thị Kim L chị thừa nhận chị có tham gia chơi 01 dây hụi ngày 09/02/2016 (âm lịch) do chị L làm đầu thảo, nội dung dây hụi như lời chị L trình bày. Trong dây hụi này chị xác định chỉ nợ chị L 08 kỳ hụi chết với số tiền là 16.000.000 đồng và không còn nợ chị L số tiền hụi trong dây hụi nào khác. Việc chơi hụi do chị tự giao dịch, tham gia khui hụi với chị L chứ không liên quan gì đến chồng chị là anh Đ. Đối với dây hụi ngày 06/10/2016 (âm lịch), chị hoàn toàn không có tham gia chơi. Nay chị không đồng ý với yêu cầu của chị L mà chị chỉ đồng ý trả cho chị L số tiền nợ hụi là 16.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Kim L và đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Anh Nguyễn Thanh Đ và chị Nguyễn Thị Lệ T có tham gia 02 dây hụi do chị L làm đầu thảo, cụ thể như sau:

Dây hụi 01: Hụi 02 triệu đồng, khui ngày 09/02/2016 (âm lịch), khui mỗi tháng 01 lần, gồm 25 phần, chị T và anh Đ tham gia 01 phần với tên “*Chị H G*”, đã hốt hụi vào kỳ thứ 14 ngày 09/3/2017 âm lịch, đóng hụi chết đến kỳ 17 thì ngưng không đóng hụi nữa (trong đó có 01 kỳ chị T và anh Đ chỉ đóng 01 triệu đồng, còn nợ 01 triệu đồng). Như vậy, dây hụi này, chị T và anh Đ còn nợ chị L 08 kỳ hụi chết với số tiền 16.000.000 đồng và 01 triệu đồng nợ của 01 kỳ hụi, tổng cộng là 17.000.000 đồng. Hụi này hiện nay chưa mãn.

Dây hụi 02: Hụi 02 triệu đồng, khui ngày 06/10/2016 (âm lịch), khui mỗi tháng 01 lần, gồm 22 phần, chị T và anh Đ tham gia 01 phần với tên “*Chị HG*”, đã hốt hụi vào kỳ thứ 03 ngày 06/12/2016 (âm lịch), đóng hụi chết đến kỳ 09 thì ngưng không đóng hụi nữa. Như vậy, dây hụi này, chị T và anh Đ còn nợ chị L 13 kỳ hụi chết với số tiền 26.000.000 đồng. Hụi này hiện nay chưa mãn.

Nay chị L yêu cầu chị T và anh Đ phải trả cho chị số tiền nợ hụi là 43.000.000 đồng làm 01 lần khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Người làm chứng chị Phạm Thị Xuân L trình bày:

Chị có tham gia dây hụi ngày 06/10/2016 (âm lịch) do chị Trần Thị Kim L làm đầu thảo, hụi 2.000.000 đồng, gồm 22 phần, chị tham gia 01 phần với tên “*L*” vị trí thứ 8 trong danh sách hụi viên. Khi tham gia chơi hụi thì chị xác định là hốt chót nên không tham gia khui hụi; khi tham gia chơi hụi thì chị được giao cho một danh sách hụi viên. Trong dây hụi này chị được biết có “*chị HG*” tham gia chơi hụi ở vị trí số 20 trong danh sách hụi và đã hốt hụi, nhưng chị không biết tên chính xác là gì, cũng không nhớ hốt hụi ở kỳ khui hụi thứ mấy, được bao nhiêu tiền.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị Ngọc Gi trình bày:

Chị có tham gia dây hụi ngày 06/10/2016 (âm lịch) do chị Trần Thị Kim L làm đầu thảo, hụi 2.000.000 đồng, gồm 22 phần, chị tham gia 01 phần với tên “*Chị Gi*” vị trí thứ 21 trong danh sách hụi viên. Khi tham gia chơi hụi thì chị xác định là hốt chót nên không tham gia khui hụi; Khi tham gia chơi hụi thì chị được giao cho một danh sách hụi viên. Trong dây hụi này chị được biết có “*chị HG*” là vợ của anh Nguyễn Thanh Đ tham gia chơi hụi ở vị trí số 20 trong danh sách hụi và đã hốt hụi, nhưng chị không nhớ chính xác hốt hụi ở kỳ khui hụi thứ mấy, được bao nhiêu tiền.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà có tham gia dây hụi ngày 06/10/2016 (âm lịch) do chị Trần Thị Kim L làm đầu thảo, hụi 2.000.000 đồng, gồm 22 phần, bà tham gia 01 phần với tên “*Thiểm C bấp*” vị trí thứ 19 trong danh sách hụi viên. Trong dây hụi này bà được biết có “*chị HG*” chơi hụi ở vị trí số 20 trong danh sách hụi và đã hốt hụi, nhưng bà không nhớ chính xác hốt hụi ở kỳ khui hụi thứ mấy, được bao nhiêu tiền.

Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 162/2017/HN-ST ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè áp dụng: Các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 357, 471, 688 của Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 1 Điều 27, Khoản 1 Điều 30, các điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ “*tranh chấp Ly hôn*” theo quy định Điều 51 của Luật hôn nhân gia đình năm 2015 là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Đối với phần nợ chung, bản án sơ thẩm đã xét xử buộc vợ chồng anh Đ, chị T có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Kim L số tiền nợ hui 42.000.000 đồng. Chị T kháng cáo cho rằng vợ chồng chị nợ chị L số tiền 16.000.000 đồng của dây hui khai ngày 09/02/2016, còn lại số tiền 26.000.000 đồng của dây hui khai ngày 06/10/2016 chị không đồng ý trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xin rút một phần yêu cầu khởi kiện độc lập đối với số tiền 26.000.000 đồng của dây hui 06/10/2016. Anh Đ, chị T cũng đồng ý việc rút yêu cầu khởi kiện của chị L. Đồng thời, chị T cũng rút yêu cầu kháng cáo đối với số tiền nợ hui 26.000.000 đồng của dây hui khai ngày 06/10/2016.

Xét thấy: Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và việc rút yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Lệ T là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật và được các đương sự còn lại đồng ý, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm và hủy một phần bản án sơ thẩm đối với số tiền nợ hui 26.000.000 đồng theo qui định tại Điều 289; khoản 1 Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 308; điểm b khoản 1 Điều 289, điểm b khoản 1 Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 19/2018/TLPT-DS ngày 29/3/2018 về việc tranh chấp “*Ly hôn*” giữa nguyên đơn Nguyễn Thanh Điều với bị đơn Nguyễn Thị Lệ T.

2. Hủy một phần bản án sơ thẩm số: 28/2018/DSST ngày 05/2/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim L yêu cầu đòi số tiền 26.000.000 đồng của dây hui khai ngày 06/10/2016 đối với anh Nguyễn Thanh Đ, chị Nguyễn Thị Lệ T. Nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo qui định pháp luật.

3. Buộc anh Nguyễn Thanh Đ và chị Nguyễn Thị Lệ T phải trả cho chị Trần Thị Kim L số tiền 16.000.000 đồng. Thực hiện trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đ, chị T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải trả lãi theo qui định của pháp luật đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

4. **Án phí:** Chị T phải chịu 1.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 08184 ngày 08/2/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên còn phải nộp tiếp 900.000 đồng nữa.

Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 1.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 4.050.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 07294; 07295 ngày 01/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên được hoàn lại 2.700.000 đồng.

Hoàn lại chị L 1.075.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 07592 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

5. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Cái Bè;
- VKSND tỉnh TG;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp Thúy

